

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2026

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2026 một cách kịp thời, thông suốt và hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và đáp ứng mục tiêu, tiến độ cải cách được Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2025 ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và các nghị quyết, kết luận của Trung ương, nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thời gian qua có liên quan đến công tác CCHC.

2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức đầy đủ, xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để triển khai thực hiện. Các nội dung CCHC phải được triển khai đồng bộ; xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng đề ra.

b) Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; đảm bảo nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

c) Kế thừa, phát huy những kinh nghiệm, ưu điểm, kết quả đạt được trong CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn vừa qua; chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC thực sự là khâu đột phá trong quản lý hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu các Chỉ số sau đây trong năm 2026 nằm trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước và có điểm Chỉ số tăng cao hơn so với năm 2025: Chỉ số CCHC (PAR INDEX); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp

địa phương (PII); Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

Phân đầu Chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2026 nằm trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước và có điểm Chỉ số tăng cao hơn so với năm 2025.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Cải cách thể chế

a) 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do cấp tỉnh, cấp xã ban hành đảm bảo trình tự, thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

b) 100% văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

c) 100% văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

d) 100% Quyết định của UBND tỉnh được kiểm tra ngay sau khi được ban hành.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Trên 98% số hồ sơ TTHC được trả kết quả giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn; 100% hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức theo đúng quy định.

b) 100% hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được số hóa đầy đủ theo quy định.

c) 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

d) 100% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và rà soát, đơn giản hóa, cập nhật kịp thời theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

đ) 100% hồ sơ TTHC được cập nhật kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và đồng bộ, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

e) 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình).

g) 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

h) 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ và tích hợp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

i) 100% TTHC thực hiện tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Hưng Yên.

k) Tối thiểu 85% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến tối thiểu đạt từ 70% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán có phát sinh phí, lệ phí TTHC.

l) 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được tổ chức tiếp nhận, xử lý, công khai kết quả xử lý theo đúng quy định.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Quản lý, sử dụng có hiệu quả biên chế, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm; thực hiện sắp xếp, giảm số lượng tổ chức hành chính theo chương trình, Kế hoạch của tỉnh; giảm đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo đạt và vượt tỷ lệ 100% chỉ tiêu do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hợp lý, tránh sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

c) Thực hiện giảm biên chế công chức, số lượng người làm việc đảm bảo theo lộ trình của Trung ương và của tỉnh.

d) Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2026 đối với số biên chế chưa sử dụng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

đ) Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 91%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 86%.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

a) 100% cơ quan, đơn vị được phê duyệt đề án (điều chỉnh) vị trí việc làm sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất theo chương trình, kế hoạch của tỉnh đảm bảo theo quy định.

b) Thực hiện, sắp xếp cơ cấu công chức, viên chức đúng theo danh mục vị trí việc làm được phê duyệt tại 100% các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ cấp tỉnh đến cấp xã.

c) 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện trao đổi hoàn toàn lượng công việc trên môi trường mạng (trừ văn bản mật).

d) Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035.

đ) 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành, lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp xã được bổ nhiệm đúng quy định.

e) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo quy định.

g) Triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra công vụ theo Kế hoạch kiểm tra công vụ năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; tái kiểm tra việc khắc phục tồn tại được chỉ ra từ đợt kiểm tra trước.

h) Xây dựng và triển khai thực hiện Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý tổ chức, biên chế, vị trí việc làm, tuyển dụng và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên; Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên.

i) 100% các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ cấp tỉnh đến cấp xã thực hiện rà soát ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ, thực hiện xét chuyển để đáp ứng với cơ cấu chức ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) 100% nhiệm vụ phân cấp quản lý công chức, viên chức được rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp phù hợp với các quy định của Trung ương và của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

2.5. Cải cách tài chính công

a) Nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Đến hết năm ngân sách 2026, phần đầu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số

- Xây dựng và phát triển hạ tầng số với công nghệ mới nhất cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...)

- 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đảm bảo thông suốt, hoạt động ổn định.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 100% văn bản điện tử được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước) khi gửi, nhận trên môi trường mạng.

- 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Hưng Yên.

- 70% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).

- 100% hệ thống hội nghị truyền hình được kết nối từ Trung ương đến địa phương, từ cấp tỉnh đến cấp xã được vận hành ổn định, bảo đảm chất lượng.

c) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết TTHC thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- 100% Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

d) Tiếp tục phát triển, nâng cấp Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của quốc gia và của các bộ, ngành Trung ương; xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu; triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường,...

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; các văn bản QPPL phải đáp ứng yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, thể thức, kỹ thuật trình bày và theo đúng trình tự, thủ tục ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Tăng cường triển khai toàn diện về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL của tỉnh để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, cụ thể, khả thi.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh hàng năm. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật.

d) Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành làm cơ sở tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP; các Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: số 08/CT-UBND ngày 21/8/2023¹, số 04/CT-UBND ngày 22/5/2024², số 07/CT-UBND ngày 14/10/2025³; Công văn số 1211/UBND-PVHCC ngày 31/8/2025 của UBND tỉnh⁴ và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác về cải cách TTHC, kiểm soát TTHC.

b) Thường xuyên rà soát, kiện toàn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và bảo đảm chế độ cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; sử dụng tài khoản VneID trong thực hiện TTHC; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong giải quyết TTHC; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; quy trình tiếp nhận, trả hồ sơ; kỹ năng giao tiếp với người dân...

c) Thực hiện nghiêm việc tham gia ý kiến đối với TTHC quy định trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh.

d) Bảo đảm công bố, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời các TTHC theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

đ) Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm TTHC, dịch vụ công liên thông; hạn chế đến mức thấp nhất việc giải quyết hồ sơ TTHC quá thời hạn quy định. Trong trường hợp giải quyết quá hạn, cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xin lỗi cá nhân, tổ chức và trách nhiệm giải trình với cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định. Theo

¹ Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/8/2023 về việc tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

² Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, ngăn chặn sai phạm trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

³ Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 14/10/2025 về chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao chứng thực và giấy tờ, tài liệu khi thông tin đã được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử; đẩy mạnh sử dụng hồ sơ điện tử trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

⁴ Công văn số 1211/UBND-PVHCC ngày 31/8/2025 về việc tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công.

đổi, công bố, công khai, sử dụng kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử là một căn cứ quan trọng đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị.

e) Thực hiện đầy đủ các quy định về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

g) Tiếp tục thống kê để công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, cập nhật, công khai bảo đảm đúng theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

h) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp về công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

i) Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định, TTHC, việc thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC nhằm nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

l) Thực hiện nghiêm các chế độ báo cáo về công tác kiểm soát TTHC theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn và chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, thực hiện giảm đơn vị sự nghiệp, nâng cao mức độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế.

b) Tập trung triển khai đồng bộ, toàn diện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy, biên chế. Trọng tâm là thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Quyết định của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với mục tiêu tinh giản biên chế đảm bảo theo lộ trình của Trung ương và của tỉnh.

c) Thực hiện quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc tại các cơ quan, đơn vị đảm bảo không vượt quá số lượng biên chế được Trung ương giao. Gắn sắp xếp tổ chức bộ máy với thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình của Trung ương và của tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm để làm cơ sở xác định biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

vụ và thực tiễn. Thực hiện tốt việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức theo vị trí việc làm theo các quy định hiện hành.

b) Thường xuyên rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và tinh giản biên chế đối với công chức hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với viên chức không làm ảnh hưởng đến việc bố trí nhân sự thực hiện các nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, chuyên ngành.

c) Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; tăng cường công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ Nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển chung của tỉnh cũng như của đất nước.

d) Thực hiện quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu; Triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra công vụ theo Kế hoạch kiểm tra công vụ năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; tái kiểm tra việc khắc phục tồn tại được chỉ ra từ đợt kiểm tra trước.

đ) Triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách thu hút, hỗ trợ người có tài năng, nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

e) Xây dựng và triển khai thực hiện Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý tổ chức, biên chế, vị trí việc làm, tuyển dụng và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên; Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên.

g) Rà soát ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ, thực hiện xét chuyển để đáp ứng với cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Tiếp tục thực hiện Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; thực hiện các quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi sắp xếp tinh gọn bộ máy theo chỉ đạo của Trung ương.

i) Tiếp tục thực hiện Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

k) Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2026 đối với tập thể, cá nhân theo quy định.

l) Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch của tỉnh đề ra. Thực hiện quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên.

5. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.

b) Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công nhiệm vụ tại Kế hoạch này chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền:

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

- Ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Xác định rõ nhiệm vụ đẩy mạnh phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở tất cả các cấp, các ngành theo đúng chỉ tiêu tại Kết luận số 04-KL/TU ngày 05/12/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên tại Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026. Các sở, ban, ngành, các xã, phường thực hiện các thủ tục đầu tư các dự án để đảm bảo đủ điều kiện phân bổ vốn chi tiết kế hoạch vốn năm 2026; kiên quyết không để tình trạng vốn chờ dự án, có vốn mà không giải ngân được. Nắm chắc tình hình cụ thể từng dự án để nhận diện rõ khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân giải ngân chậm để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ trong quá trình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

d) Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách, định mức thu, chi ngân sách nhà nước; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục đảm bảo hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống chuyên ngành hoạt động ổn định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi sử dụng các ứng dụng và trong triển khai ứng dụng mới.

b) Các văn bản điện tử gửi tên môi trường mạng (qua các ứng dụng khác nhau) phải được ký số đầy đủ, bao gồm có đủ chữ ký số của lãnh đạo và chữ ký số của cơ quan (dấu của cơ quan). Các tài liệu liên quan đến công việc chuyên môn nghiệp vụ phải được tạo lập hồ sơ công việc ngay khi bắt đầu thực hiện.

c) Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các Chương trình, Kế hoạch về chuyển đổi số của tỉnh theo giai đoạn, theo năm.

d) Cung cấp đầy đủ thông tin tại các chuyên mục cụ thể trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên phục vụ tra cứu, tìm kiếm thông tin, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng. Cung cấp đầy đủ dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

đ) Rà soát các TTHC đủ điều kiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hoàn toàn trực tuyến để cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Đẩy mạnh giải quyết TTHC bằng hình thức trực tuyến để nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

(Nhiệm vụ cụ thể theo Phụ lục đính kèm).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06:

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành. Cụ thể:

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc các cấp và của Nhân dân trong việc thực hiện công tác CCHC.

b) Thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh và các Chỉ số cải cách nền hành chính khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý công tác CCHC; xây dựng chuyên mục thông tin điện tử về CCHC của tỉnh; duy trì, nâng cấp, phát triển và sử dụng có hiệu quả Hệ thống phần mềm chấm điểm các Chỉ số cải cách nền hành chính đối với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC gắn với nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác CCHC; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp với Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; gắn việc thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng.

e) Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch CCHC của tỉnh; huy động các nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện có hiệu quả công tác CCHC.

g) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả. Tăng cường bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng cần thiết về CCHC cho đội ngũ công chức CCHC nhằm đáp ứng yêu cầu tham mưu, hướng dẫn triển khai, theo dõi công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Căn cứ kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch CCHC này thành Kế hoạch CCHC năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương; bố trí kinh phí triển khai thực hiện; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu phân công tổ chức thực hiện. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh giao đảm bảo chất lượng, tiến độ, thời gian theo yêu cầu.

b) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; các văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC.

c) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác CCHC, gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC ở phạm vi cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

d) Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC là cơ sở để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra CCHC, đồng thời tích cực đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

e) Các sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực bảo đảm theo quy định.

3. Sở Nội vụ:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2026 đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan: tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường năm 2026 theo quy định.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch CCHC; thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung ương, của tỉnh và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai công tác thông tin và tuyên truyền về CCHC.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết việc thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước của tỉnh năm 2026.

4. Sở Tư pháp:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách thể chế; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể

chế. Chủ trì triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách TTHC; chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hoạt động kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Duy trì hoạt động hiệu quả của Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

6. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách tài chính công. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc lập dự toán ngân sách, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo theo quy định.

c) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh theo kế hoạch.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: thu hút đầu tư và giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

b) Triển khai các hoạt động tìm kiếm giải pháp, sáng kiến CCHC, tham mưu công nhận sáng kiến cấp tỉnh hằng năm.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

9. Sở Y tế:

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên:

Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về CCHC để tăng cường tuyên truyền các nội dung về CCHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác CCHC; phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến, nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, các hiện tượng tiêu cực trong triển khai, thực hiện công tác CCHC; tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC-Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng, đơn vị: HC-QT; TT TT-HN tỉnh; TT PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{Thủy}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nghiêm